

	SPEC_ITEM_LOCAL	Value
Hiển Thị	Kích thước đường chéo	75"
	Tấm nền	IPS
	Độ phân giải	3,840 x 2,160
	Kích thước điểm ảnh (H x V)	429.6(H)x429.6(V)
	Brightness (Typ)	400 nit
	Tỷ lệ tương phản	1,200:1
	Góc nhìn (ngang/dọc)	178/178
	Thời gian phản hồi	8ms
	Gam màu	72%
	Glass Haze	25%
	Tần số quét dọc	135 kHz
	Tần số điểm ảnh tối đa	78MHz
	Tần số quét ngang	60Hz
	Operation Time Support	12/7
Kết Nối	HDMI In	2
	Version of HDMI	2.1
	Version of HDCP	2.1
	USB	4
	Tai nghe	Stereo Mini Jack
	Đầu ra Audio	Stereo Mini Jack
	Đầu ra- Video	Yes
	RS232 In	Yes
	RJ45 In	Yes
	WiFi	Wi-Fi 5: 802.11ac
	Bluetooth	Yes
Pin & Sạc	Nguồn cấp điện	AC100-240V 50/60Hz
	Mức tiêu thụ nguồn (Chế độ Mở)	450 W
	Mức tiêu thụ nguồn (Chế độ Ngủ)	0.5 W
Kích thước	Kích thước (RxCxS)	1716.5 x 1031.9 x 87.7 mm
	Thùng máy (RxCxD)	1860 x 1125 x 185 mm
Trọng lượng	Bộ máy	49.2 kg
	Thùng máy	58.8 kg
Hoạt động	Nhiệt độ	0°C~40°C
	Độ ẩm	10 ~ 80%, non-condensing
Đặc điểm kỹ thuật cơ khí	VESA Mount	800 x 400 mm
	Độ rộng viền màn hình	17.2mm
	Bezel Color	Đen
	Frame Material	Aluminium
Phụ kiện	Touch	Yes
SoC	OS Version	Android-14

	Flash Memory Size	64GB
Touch	Touch Technology	IR
Chứng chỉ	EMC	FCC CFR Title 47, Part 15, Subpart B/EN55032:2015+A11:2020
	An toàn	IEC62368-1/UL62368-1/IEC60950-1 / IS13252